

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN I
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ- ST
Ngày 14/4/2022
V/v: "Hủy kết hôn trái pháp luật,
Tranh chấp về con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thu Thủy
2. Bà Trịnh Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc “Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 4, xã P1, huyện I, tỉnh G. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn 4, xã P1, huyện I, tỉnh G. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã P1, huyện I, tỉnh G.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Xuân C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P1, huyện I, tỉnh G.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc Q – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P1, huyện I, tỉnh G. (Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2022). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Tứ kết hôn có đăng ký tại ủy ban nhân dân xã P1, huyện I vào ngày 15/9/2005. Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị không đủ tuổi nên đã khai tăng tuổi từ sinh năm 1989 lên sinh năm 1987 để được cấp giấy đăng ký kết hôn. Do cuộc sống chung thường xuyên cãi vã mâu thuẫn đánh đập nhau nên nay không thể chung sống được. Theo giấy khai sinh gốc chị sinh ngày 23/11/1989 thì tại thời điểm kết hôn chị chưa đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị xét thấy tình cảm không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án Hủy kết hôn trái pháp luật với anh Trần Quốc T.

Về con chung: Thời gian chung sống giữa chị và anh Tứ có 03 con chung là Trần Quốc H, sinh ngày 17/7/2006; Trần Thị Mai A, sinh ngày 28/7/2008 và Trần Quốc D, sinh ngày 11/5/2018. Sau khi hủy kết hôn trái pháp luật chị nhận nuôi 02 con chung tên là Trần Quốc H, sinh ngày 17/7/2006 và Trần Quốc D sinh ngày 11/5/2018, giao cho anh Tứ nuôi con chung tên là Trần Thị Mai A, sinh ngày 28/7/2008. Về cấp dưỡng nuôi con chị và anh Tứ sẽ tự thỏa thuận. Về tài sản chung chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quốc T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị L kết hôn có đăng ký tại ủy ban nhân dân xã P1, huyện I vào ngày 15/9/2005. Thời điểm đó cũng đã lâu nên anh không nhớ khi đó đi đăng ký là khai bao nhiêu tuổi, sau khi đăng ký kết hôn cuộc sống chung cũng mâu thuẫn, cãi vã. Nay chị L yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật vì cho rằng giữa anh và chị L khi đi đăng ký kết hôn là chưa đủ tuổi theo quy định của pháp luật. Sự việc này anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh cũng thống nhất với chị L có 03 đứa con chung tên là Trần Quốc H, sinh ngày 17/7/2006; Trần Thị Mai A, sinh ngày 28/7/2008 và Trần Quốc D, sinh ngày 11/5/2018. Theo nguyện vọng của con thì anh nhận nuôi con chung tên là Trần Thị Mai A, sinh ngày 28/7/2008. Còn hai con chung tên là Trần Quốc H, sinh ngày 17/7/2006, Trần Quốc D, sinh ngày 11/5/2018 anh đồng ý giao cho chị L nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận. Tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Qua quá trình kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã P1 thì ngày 15/9/2005 Ủy ban nhân dân xã P1 đã thực hiện đăng ký kết hôn cho ông Trần Quốc T, sinh ngày 25/7/1976 và bà Trần Thị L, sinh ngày 23/11/1987 tại sổ đăng ký kết hôn số 23 ngày 15/9/2005 quyển số 01/2005. Qua xác minh thì được biết bà Trần Thị L, sinh ngày 23/11/1987 và bà Trần Thị L, sinh ngày 23/11/1989 là cùng một người. Bà Trần Thị L đã khai gian dối tuổi của mình để đủ tuổi đăng ký kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã P1 là có sai sót nên nguyên đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh G có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật với anh Trần Quốc T. Bị đơn anh Trần Quốc T có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện I nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện I theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét đơn khởi kiện về việc hủy kết hôn trái pháp luật của nguyên đơn, thấy rằng chị Trần Thị L có đăng ký kết hôn với anh Trần Quốc T vào ngày 15/9/2005 tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện I, tỉnh G, tại sổ đăng ký kết hôn số 23 ngày 15/9/2005 quyển số 01/2005. Theo sổ đăng ký kết hôn thì xác định họ tên chồng là Trần Quốc T, sinh ngày 25/7/1976, họ tên vợ là Trần Thị L sinh ngày 23/11/1989. Tuy nhiên căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn cung cấp cho tòa án như Giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì xác định chị Trần Thị L sinh ngày 23/11/1987 và chị Trần Thị L sinh ngày 23/11/1989 là cùng một người, chị Trần Thị L có ngày tháng năm sinh đúng là ngày 23/11/1989, anh Trần Quốc T có ngày tháng năm sinh đúng là ngày

25/7/1979. Vì vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Trần Thị L mới 15 tuổi 09 tháng 23 ngày, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và điều 8 luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống thường xuyên mẫu thuẫn dẫn tới đã sống ly thân.

Trong quá trình giải quyết vụ án sau khi xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn, tòa án thấy rằng việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị L và anh Trần Quốc T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị L và anh Trần Quốc T theo sổ đăng ký kết hôn số 23 ngày 15/9/2005, quyển số 01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện I, tỉnh G theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 10, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là phù hợp

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Trần Thị L và anh Trần Quốc T có 03 đứa con là Trần Quốc H, sinh ngày 17/7/2006; Trần Thị Mai A, sinh ngày 28/7/2008 và Trần Quốc D, sinh ngày 11/5/2018.

Xét yêu cầu của nguyên đơn được nhận nuôi 02 con chung tên là Trần Quốc H, sinh ngày 17/7/2006, Trần Quốc D sinh ngày 11/5/2018 và giao con chung tên là Trần Thị Mai A, sinh ngày 28/7/2008 cho anh Trần Quốc T nuôi dưỡng thấy rằng: Cháu Huy có nguyện vọng được ở với mẹ còn cháu Trần Thị Mai A có nguyện vọng được ở với bố, đồng thời chị Trần Thị L, anh Trần Tứ Quốc cũng thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con, đó là anh Trần Tứ Quốc nhận nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung tên là Trần Thị Mai A; chị Trần Thị L nhận nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung tên là Trần Quốc H, Trần Quốc D. Xét sự thỏa thuận là phù hợp với nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu nên tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Đối với việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã P1, huyện I, tỉnh G đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho chị Trần Thị L và anh Trần Quốc T không đúng về độ tuổi đăng ký kết hôn. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn do chị Trần Thị L khai không đúng tuổi của mình để được đăng ký kết hôn, hiện tại hồ sơ sổ sách không còn lưu giữ đầy đủ, do đó có căn cứ xác định Ủy ban nhân dân xã P1 có sai phạm trong việc đăng ký kết hôn giữa chị L và anh T như thu thập các tài liệu chứng minh về độ tuổi thực tế của chị L khi thực hiện việc đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã P1 đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp. Hội đồng xét xử đề nghị Ủy ban nhân dân xã P1, huyện I kiểm điểm, rút kinh nghiệm

trong việc đăng ký kết hôn nêu trên, đồng thời cá nhân có vi phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; khoản 4 Điều 147; Điều 266 ; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVTH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Điều 15, Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều 10; Điều 11; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L.

Về hôn nhân:

Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị L và anh Trần Quốc T theo sổ đăng ký kết hôn số 23 ngày 15/9/2005, quyển số 01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện I, tỉnh G.

Về con chung:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Trần Thị L và anh Trần Quốc T. Giao 01 (Một) con chung tên là Trần Thị Mai A, sinh ngày 28/7/2008 cho anh Trần Quốc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; giao 02 (Hai) con chung tên là Trần Quốc H, sinh ngày 17/7/2006, Trần Quốc D sinh ngày 11/5/2018 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi hủy kết hôn trái pháp luật, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Pháp luật thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí:

Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004649 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I tỉnh G. Chị Trần Thị L đã nộp đủ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/4/2022) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh G;
- VKSND Huyện I (03 bản);
- THADS Huyện I;
- UBND xã P1;
- Các đương sự;
- Lưu H/sơ vụ án.
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Lê Viết Thịnh